TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST Ngày 14/5/2025 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hữu Huân;

- Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Trưng– Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm 2000 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Các đương sự cùng địa chỉ tại: Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị* Phạm Thị V *trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn ngày 24/01/2022, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L.

Sau khi cưới, chị và anh T về ở với nhau ngay, thời gian đầu sống hạnh phúc và đã có 01 con chung là Nguyễn Huyền A, sinh ngày 03/9/2022.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế gia đình khó khăn, nên tháng 8/2023 anh T đi Đài Loan, Trung Quốc làm ăn. Ở nước ngoài anh T không

chịu làm ăn, nợ nần nhiều và thường xuyên nhắn tin về cho chị bảo chị gửi tiền sang để trả nợ. Sau này chị mới biết anh T tham gia cá độ, đi B. Đã nhiều lần chị và bố mẹ anh T phải gửi tiền sang cho anh T trả nợ. Tháng 2/2025 do nợ nhiều quá, không thể ở Đài Loan được, anh T đã phải trốn về nước. Khi về nước cũng không báo trước cho chị, chị đi làm về đã thấy anh T ở nhà. Chị có hỏi lý do tại sao lại phải về nước thì anh T không nói; số điện thoại và tài khoản mạng xã hội anh T xoá hết. Anh T tiếp tục đề nghị chị đưa tiền để trả nợ; hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Do không chịu được nữa, chị đã quyết định ly thân và đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 1 con chung như trình bày ở trên, hiện con chung đang ở với chị. Chị đề nghị được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Để chị và anh T tự thoả thuận giải quyết.

* *Bị đơn anh* Nguyễn Đức T *trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn nhưu chị V trình bày là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, anh làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nhiều, vợ chồng xảy ra cãi nhau, hai bên gia đình đã dàn xếp nhưng không được; chị V đã về nhà bố mẹ đẻ ở, anh đã xuống nhà đón chị V về, nhưng chị V không về, hai bên đã không còn quan hệ vợ chồng nữa. Chị V xin ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị V có 1 con chung là Nguyễn Huyền A, sinh ngày 03/9/2022, hiện đang ở với anh. Ly hôn anh xin nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu, hiện tại anh đang làm nghề cắt tóc ở Bắc Ninh, thu nhập bình quan 20.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và đều vắng mặt.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơnđã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 71 của BLTTDS.

Áp dụng các Điều: 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều: 28, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 BLTTDS;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hon của chị Phạm thị V. Cho chị Phạm Thị V được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Giao cho chị V trực tiếp trông nam, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Huyền A, sinh ngày 03/9/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra xem xét.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị V có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Đức T và xin nuôi con chung. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của BLTTDS

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Đức T kết hôn ngày 24/01/2022 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Chị V và anh T bất đồng quan điểm trong làm ăn; anh T làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều, hai bên cãi nhau thường

xuyên; đến tháng 2-2025 thì chị V và anh T ly thân, không còn quan hệ vợ chồng nữa, hai bên gia đình đã hoà giải, nhưng không thành. Toà án đã tổ chức phiên hoà giải để chị V và anh T về đoàn tụ. Tuy nhiên chị V cương quyết xin ly hôn và từ chối hòa giải đoàn tụ; còn anh T vắng mặt và đồng ý ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quyền và nghãi vụ của vợ chồng; mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị V được ly hôn anh T

[5] Về con chung: Chị V và anh T có 1 con chung là Nguyễn Huyền A, sinh ngày 03/9/2022, hiện chị V đang nuôi. Chị V và anh T đều có nguyện vong nuôi con.

Xét thấy: Con Nguyễn Huyền A dưới 36 tháng tuổi. Tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...*". Cháu Huyền A chưa đủ 36 tháng tuổi, nên cần giao con chung cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định.

Quyền thăm con: Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh anh T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con cho nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị V được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Huyền A, sinh ngày 03/9/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Đức T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004698 ngày 20/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị V đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam, BG;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Thế Vinh